

XUÂN DIỆU BÀN VỀ NHÀ THƠ

Nguyễn Thị Thanh Hà

Trường Cao đẳng Sư phạm Hà Nội

Xuân Diệu là một nhà phê bình thơ tài năng có uy tín của thời kỳ hiện đại, sự nghiệp phê bình của ông rất lớn. Là một trong những nhà thơ lỗi lạc, rất say thơ và cống hiến trọn đời cho thơ, Xuân Diệu có quan niệm về thơ đa dạng, phong phú, mang tính hệ thống, chỉnh thể - làm cơ sở cho ông phê bình thơ.

Quan tâm đến mọi mặt của thơ (thơ là gì, kỹ thuật thơ, tiếp nhận thơ...), Xuân Diệu đặc biệt coi trọng quá trình sáng tạo thơ - một quá trình "lao động" vất vả, nghiêm ngặt, đầy tâm huyết, mang tính khoa học - trong đó nhà thơ có tư cách chủ thể. Bàn về việc làm sao sáng tạo được các tác phẩm xứng đáng với dân tộc, với thời đại, Xuân Diệu khẳng định: "Điều kiện lịch sử đã có rồi, nhưng nếu ít người viết ra văn thơ hay, thì không có nhiều văn thơ hay được. Văn hay không thể tự sinh một cách tự nhiên nhi nhĩ, phải có những văn tài viết ra văn hay" [8, tr6 - 7].

Quan niệm của Xuân Diệu về nhà thơ rất phong phú, vừa cụ thể vừa bao quát, toàn diện. Theo ông, trước hết nhà thơ phải là một kỹ sư tâm hồn. Mặc dù có tài năng, nhà thơ vẫn phải rèn luyện, phải phấn đấu thì mới có được tác phẩm thơ hay đóng góp cho cuộc sống. Thi sỹ phải thường xuyên đấu tranh ngay trong tâm hồn tư tưởng mình, giữa cái chủ quan và cái khách quan; xác định thái độ làm thơ đúng đắn, chân thành, tự nguyện, với mục đích phục vụ nhân dân, đáp ứng yêu cầu của xã hội, và vì đòi hỏi của tâm trí chính mình. Không chỉ cần nỗ lực học hỏi để trở thành uyên bác, thành thực kỹ thuật, phép tắc làm thơ, điều căn bản nhất ở người thi sỹ là phải chân thực, phải có cái tâm thẳng thắn, chân thành, trong sáng thì mới sử dụng, phát huy được cái tài của mình... Trên nền đó, chúng ta đi sâu một số điểm khái quát nhất khi Xuân Diệu bàn về bản lĩnh thi sĩ.

1. Nhà thơ là kỹ sư tâm hồn

Trong những năm kháng chiến, khi một số nhà phê bình thường chỉ chú trọng về lập trường tư tưởng, về phương diện chính trị của nhà thơ, thì bên cạnh đó Xuân Diệu luôn luôn nhấn mạnh, làm sắc nhọn một vấn đề trung tâm: Nhà văn là kỹ sư tâm hồn (ý của Stalin). Theo ông, kỹ sư tâm hồn là nội dung, là thực chất của văn, là vấn đề trung tâm của việc viết văn, bên cạnh tư tưởng là nền tảng.

Nhà văn vẫn có thể sáng tác phục vụ kịp thời đáp ứng những yêu cầu nóng hổi của thời đại, song không nên chỉ dừng ở việc khai thác "lượng thông tin", bằng lòng với các loại "báo cáo văn học", khuynh hướng tân văn, thời sự, báo chí... Muốn có thơ hay, nhà thơ phải đi sâu vào nội tâm, nghiên cứu tâm hồn con người, hiểu sâu sắc nó, bằng "công cụ" là chính tâm hồn mình. Do đó, trước hết thi sỹ phải có tâm hồn. Không chỉ tự hào về tâm hồn phong phú, tinh vi của mình, nhiều lần

Xuân Diệu nhấn mạnh: nhà thơ phải tự rèn luyện bồi dưỡng tâm hồn, càng sâu sắc phong phú đa dạng, mới càng tinh nhạy khi thấu hiểu tâm hồn người khác, tác động vào nó với trình độ kỹ sư chứ không phải thợ thủ công, mới thông cảm, đồng cảm với những nỗi niềm của con người, dùng “điện tâm hồn” mình “bấm vào khay điện, nút điện cảm xúc” của độc giả để tự họ sáng tạo thêm, giúp người đọc hiểu biết thế giới tâm hồn phong phú, qua đó góp phần rất quan trọng xây dựng con người, cải tạo thế giới... Vì thế, Xuân Diệu khẳng định: “Kỹ sư tâm hồn” là cái lầy thân ở cái nõ của vua Thục An Dương Vương [8, tr 18] - đó chính là cái gỗ để có tác phẩm thơ hay thật sự.

Còn nghĩ cao hơn, Xuân Diệu đưa ra khái niệm: nhà văn giỏi còn phải là một bác sĩ tâm hồn nữa, vì nếu chỉ là một kỹ sư phân tích tâm hồn rất tinh tế, mà không chữa được cho tâm hồn khi tâm hồn đau ốm thì cũng chưa thực là một kỹ sư tài tình và đầy đủ trách nhiệm. Ông yêu cầu nhà văn của thời đại ta phải gọi là được bệnh và để ra được cách chữa, ít nhất là hướng chữa, thì mới là đầy đủ nhiệm vụ: phát hiện nhiều vấn đề mới, nhưng nêu vấn đề ra mà nếu chưa giải quyết dứt khoát được, thì ít nhiều cũng bao hàm một hướng giải quyết, một thái độ giải quyết [1, tr 72 - 96].

Theo ông Nhà văn - Kỹ sư tâm hồn - Bác sĩ tâm hồn, không chỉ chữa bệnh tâm hồn cho quần chúng mà còn phải tự phát hiện chữa bệnh cho chính mình. Bản thân Xuân Diệu rất thấm thía biết ơn Cách mạng đã giúp ông “chiêm nghiệm nhiều lần, rồi về sau gặp một số trường hợp mình cũng là bác sĩ hiểu được bệnh của tâm hồn” [5, tr 66].

Xuân Diệu đã nêu một quan niệm nhà thơ sâu sắc đúng đắn, có tác dụng uốn nắn cách hiểu thô thiển về nhà thơ.

2. Thi sỹ phải có tài năng

Nhấn mạnh vai trò tài năng của thi sĩ có tính chất quyết định trong việc sáng tạo ra thơ hay, đóng góp cái mới, Xuân Diệu cho rằng, theo quy luật của muôn thuở cổ kim đông tây, hồn thơ của một thời đại, một thời kỳ, phải tập trung tụ lết hơn nữa vào những bản lĩnh thi sỹ. Thơ có sẵn trong thời đại, thời kỳ, nhưng nếu không có một thi sỹ hay cụ thể, thì chất thơ cũng không vượt cao dao mà kết thành tác phẩm thơ hay được.

Lê nin nói “Tài năng là của hiếm”. Theo Xuân Diệu, mỗi tài năng thực sự đều đóng góp một cái gì mới mẻ. Mỗi tài năng là một sáng tạo của tạo vật, của xã hội; chính những tài năng cá thể hoá cao độ ấy mới nói được cái chung một cách sâu sắc nhất. Cũng như lịch sử của một nền văn học chủ yếu là lịch sử của những tác phẩm hay trong nền văn học ấy, một nền thơ, thất lại cuối cùng là những thơ hay, mà thơ hay chủ yếu là do sáng tác của những tài năng. Thơ hay giáo dục con người thông qua cái đẹp: in cái đẹp vào tâm trí, thì tự mình không chịu làm cái xấu. Cao hơn nữa, là thiên tài. Nhiều lần Xuân Diệu nói đến thiên tài và phân tích những yếu tố tạo nên nó. Ông nêu lên những điều kiện để có thiên tài. Ông viết hẳn một mục “Câu chuyện thiên tài” khi bàn về Cái mới trong văn học chúng ta. Khâm phục Sự

lao động cật lực của nhà nghệ sỹ thiên tài - họa sĩ Mikenlăng, ông nhấn mạnh khía cạnh: thiên tài là một sự kiên nhẫn lâu dài, có tài rồi, nghệ sỹ còn phải có sức nữa, còn phải lao động cật lực mới tạo được tác phẩm. Ông chỉ rõ thiên tài không dễ dàng đạt được: “Có năng khiếu rồi, nghệ sỹ còn phải lao động cật lực, nghiên cứu để hiểu rất sâu cuộc sống” và “nắm vững kỹ thuật diễn đạt”. Bởi vì “cái mới trong tác phẩm cũng do tài năng, do tìm tòi, nghiên cứu và diễn tả của nghệ sỹ, dựa trên cái mới khách quan”, từ đó “những thiên tài văn nghệ tạo ra được đến cao độ cái chất tự phóng xạ của tác phẩm” [1, tr 48 - 49].

Nhân bàn về cách nhìn nhận, thưởng thức thơ của bậc “thiên tài - kỳ nữ” Xuân Hương, Xuân Diệu đã phân tích quan niệm về thiên tài, nội dung của thiên tài trước và sau khi có chủ nghĩa Mác - Lê nin soi đường. Theo ông, thiên tài trước cách mạng vô sản ngoài nghĩa phổ cập đồng điệu với hàng vạn, hàng triệu người (ví dụ như Nguyễn Du), cũng có những trường hợp thiên tài cá biệt, có một phần kỳ dị nữa, ví dụ như Hồ Xuân Hương. “Nguyễn Du không có gì là kỳ dị, Nguyễn Du là những ý tình phổ biến, nhưng cảm nghĩ sâu sắc đến tột độ, diễn tả hay đẹp đến tuyệt diệu, đến nỗi thành ra đột xuất, duy nhất”. “Nhưng Xuân Hương thì khác. Trong Xuân Hương, phần lớn là những ý tình phổ biến của mọi người như chống bọn áp bức, căm ghét cái xấu xa, bênh vực phụ nữ, khao khát yêu đương, yêu thiên nhiên đất nước... nhưng cũng có một phần như là riêng biệt của cá tính Xuân Hương”. Xuân Diệu cho rằng “Cái phần kỳ dị đó cũng là thiên tài của Xuân Hương như là cái phần phổ biến. Xét cho cùng, nó cũng là từ trong cái nền phổ biến mà nảy ra, đưa lên đến mức quá quất. Cho nên có thể hàng vạn người không có một số xúc cảm nào đó của Xuân Hương mà vẫn thông cảm, vẫn hiểu Xuân Hương. Cái kỳ dị của Xuân Hương cũng nói được thời đại Xuân Hương”... Vì thế, Xuân Diệu xác định: “Vấn đề mấu chốt là chúng ta hiện nay rút kinh nghiệm của họ trước kia để thành những nhà văn nghệ kiểu mới, chứ không phải là làm như bắt họ phải có tư tưởng Mác - Lê nin của chúng ta hiện nay, như vậy là không biện chứng - như vậy dễ dẫn đến chỗ hẹp lượng, thiếu hiểu biết, khó mà làm một cuộc phê bình cho thấu tình đạt lý” [2, tr 83 - 84]. Trên cơ sở quan niệm đó, ông nhận xét: “Trong chế độ cũ, cái hay của thơ Nguyễn Trãi tức là một tâm hồn cao cả mà ưu ái khổ đau; cái phong phú của thơ Xuân Hương chính là nó quần quai, dằn vặt !”... “Những câu thơ khác thường của Xuân Hương rất hay ! Trong cái ý muốn xé, phá, đâm, thụi, trong cái cấu gắt của nó, nó nói được cái thời đại của người làm ra nó !” [2, tr 86]...

Bản lĩnh thi sỹ là bản lĩnh phát hiện. Có bản lĩnh mới có tác gia. Theo Xuân Diệu, chúng ta nay có rất nhiều bài thơ, nhưng ít thi sỹ, ít thi gia. “Chúng ta có rất nhiều người làm thơ, điều mà trong xã hội cũ không thể có được, và trình độ trung bình của việc làm thơ, của những bài thơ khá là cao. Tuy nhiên, từ một tổng lượng này nhảy vọt để có những tài năng thật sắc tài, thì hãy còn rất vất vả” [10]. Đây là một quá trình phấn đấu, bởi “ở trong văn chương, xuất thường là một điều rất nặng nề. Số người tham gia sáng tác càng đông, người tiêu thụ sáng tác càng đòi hỏi những thơ văn có chút ít đặc sắc, càng khao khát được gặp những tài năng” [11, tr 14]. Chính vì thế, Xuân Diệu rất tinh nhạy cảm thụ trước những gì đang trôi dạt, là

“mầm, búp, chồi, nụ, lộc” mới mẻ, tươi trẻ, non tơ ; những gì đang manh nha mà “cho người ta một cảm tưởng nụ lộc đang lên”, hứa hẹn một tương lai tươi đẹp... Bên cạnh việc theo dõi khuyến khích động viên phong trào thơ, Xuân Diệu rất chú ý tìm tòi phát hiện những “mầm non” văn học. Ông chăm chú đọc những sáng tác mới. Ông là giám khảo nghiêm khắc của các cuộc thi thơ, từ Cuộc thi thơ kháng chiến đầu tiên 1947 đến cuối đời, với yêu cầu về chất lượng ngày một nâng cao. Ông trân trọng cố gắng không bỏ sót dù là một bài thơ hay, một câu thơ, hoặc là một tình, một ý, một chữ hay... nhằm vun đắp cho nền thơ Việt Nam.

Nếu như trước Cách mạng, Thế Lữ đã có công phát hiện Một thi sĩ mới Xuân Diệu từ 1937 thì Xuân Diệu đã phát hiện một Huy Cận, khẳng định một Tản Đà từ những 1939 (sớm hơn tác giả Thi nhân Việt Nam 1941). Trong những năm kháng chiến gian khổ nhất, Xuân Diệu đã có công mở mục Tiếng thơ do chính ông đọc trên đài Tiếng nói Việt Nam, đồng thời in trên tạp chí Văn Nghệ kháng chiến, để giới thiệu những “đóa hoa thơ” của phong trào quần chúng. Con mắt xanh của ông đã phát hiện từ báo tường báo liếp biết bao những bài thơ hay, câu thơ hay, và những nhà thơ cho tương lai. Ông là người đầu tiên phát hiện cái hay của bài thơ Nhớ Tây Tiến (Quang Dũng), đăng ở tạp chí Văn Nghệ số 11, 12 tháng 5/1949. Sau 1985, Nhớ Tây Tiến được đưa vào sách giáo khoa phổ thông trung học. Ông phát hiện Chính Hữu với bài *Ngày về*, bay bướm tài hoa từ 1948, bài *Đồng chí* rắn chắc, bài *Mùa hè* xuất trận giọng sáng khoái. Ông “vui sướng đón nhà thơ Khương Hữu Dụng” với tập thơ đầu *Từ đêm mười chín*. Ông ca ngợi đầy xúc động Bài thơ *Liên Khinh* của anh Vệ quốc, bài *Nửa đêm* của Lê, bài *Đóng nhanh lúa tốt* của Huyền Tâm... Sau hoà bình, ông còn có công phát hiện nhiều tài năng thơ, như Hoàng Hữu với bài *Hai nửa vầng trăng*, rồi Anh Ngọc, Phạm Tiến Duật, Trần Đăng Khoa, v.v.. và chăm chút khích lệ, góp ý giúp đỡ họ trưởng thành. Có thể nói, Xuân Diệu là người có nhiều phát hiện sớm và chính xác, đúng đắn về những tác giả, tác phẩm thơ cụ thể.

Theo quan niệm của Xuân Diệu, nhà thơ phải có bản lĩnh, phải có cả tâm và tài thì mới đóng góp được nhiều cho cuộc sống.

Từ xưa, trong nhiều ý kiến bàn về thơ, cha ông ta đã thể hiện thái độ rất rõ ràng: chê loại thơ chuộng chủ nghĩa hình thức trong văn chương, chê loại nhà thơ giả, khen loại thơ hay có thần, có gốc, khen loại nhà thơ có cả tâm và tài. Trong *Phủ biên tạp lục*, Lê Quý Đôn có ghi bức thư của Nguyễn Cư Trinh (1716 - 1767) trả lời cho Mạc Thiên Tích, trong đó có viết: “Tóm lại nghề làm thơ không ngoài việc căn bản phải trung hậu, ý nghĩa phải hàm súc, và phải có cái hay ở chỗ giản dị. Còn việc trau dồi cho văn hoa đẹp đẽ, rèn luyện cho khéo léo lạ lùng, đó chẳng qua là việc làm thêm mà thôi”... Ngô Thì Nhậm (1746 - 1803) có một quan niệm cao về việc viết văn: Lời văn óng ả, câu văn mượt mà, song cái thần diệu là cốt ở tâm lòng”... “hãy xúc động hồn thơ, để ngọn bút có thần” [9, tr 284].

Trong cái chân lý của văn học, của thơ, những tâm trí sâu sắc nhất, nắm lược cái tinh chất của thơ hơn cả, “đắc đạo”, tâm đắc về thơ hơn cả, ở Đông cũng như ở

Tây, bổ sung cho nhau trong lòng yêu mến cuộc sống, trong tình chân thật đối với cuộc đời: “Chỉ cần nhà thơ mất lòng tin vào cuộc đời, tài năng sẽ chết, vì anh ta không còn nghe được dòng nước ngầm của thi hứng... Vì thơ là từ con người làm ra, và để phục vụ cuộc sống con người” (Catxin Kuliép). Mối liên quan ấy giữa tâm và tài, Nguyễn Du cũng nói theo cách của ông: “Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài” ; không cần cứ vào số lượng, cái ý quan trọng nhất là để cao cái tâm đối với cuộc sống, mà đức tính trước nhất của tâm là thẳng thắn, là chân thành. Vì vậy, đúng như Xuân Diệu nghĩ, nhà thơ trước hết phải có cái tâm chân thực thì mới sử dụng, phát huy được cái tài của mình.

Chỉ có một con đường chân thực để bồi dưỡng cho sự làm thơ, Xuân Diệu khẳng định con đường ấy trước hết là đào sâu suy nghĩ, đào sâu xúc cảm. Ông khuyên những bạn mới vào nghề viết nên trong sáng trong tâm, phải có bản lĩnh (cao hơn cả tính), phải nghiêm ngặt trong sản xuất thơ, càng đi con đường nghiêm ngặt thì văn tài càng nảy nở phát huy, phải nhìn kết quả tốt về lâu về dài.

Người đọc hiện nay và muôn đời không chỉ cần những bài thơ hay rải rác, mà còn cần những thi sỹ chính thực thi nhân để họ được nhớ không bao giờ quên. Xuân Diệu khẳng định đó là “Người thi sỹ phải biết nghe được vừa bằng Nhĩ vừa bằng Tâm và bằng Thần, có như vậy thì mới truyền được sang Nhĩ, Tâm và Thần của người đọc” [10]. Nghĩa là họ không chỉ nghe được ngoài da (bằng tai), mà còn nghe được đến thịt đến máu (bằng tâm), hơn thế nữa, nghe được đến xương, đến tủy (bằng thần) như lời danh nhân Lê Quý Đôn đã dạy. Những ý kiến ấy đến nay vẫn còn có ý nghĩa thời sự.

3. Nhà thơ phải yên bác

Nicôlai Ghiden đã từng trả lời Tố Hữu: “Nhiệm vụ của nhà thơ trước hết là đừng làm thơ dở”. Theo Xuân Diệu, muốn làm thơ hay, nhà thơ phải kết hợp nhiều yếu tố: phải có năng khiếu, phải gắn gũi với đời sống và chan hòa với nhân dân, phải lao động với lương tâm đầy đủ và trình độ nghề nghiệp cao... Đặc biệt, ông nhấn mạnh vấn đề phải tự bồi dưỡng về vốn tri thức, phải nên yên bác, tức là phải học rộng, đọc nhiều ở thời đại mình cộng với một trái tim lớn lao, phải kết hợp cái thật sâu của một dân tộc với cái rất rộng của nhân loại.

Trong nhiều bài tiểu luận, Xuân Diệu chân thành nói đến những điều tâm đắc của bản thân. Bài viết cuối cùng của đời ông - Sự yên bác với việc làm thơ (26/11/1985) - là cuộc tổng kết một đời học tập, đồng thời là sự giải thích rõ ràng về cái gì ông học ở người, cái gì cũng là học người nhưng đạt tới trình độ hơn người. Ông đã phân tích rất cụ thể, tỉ mỉ, một số ví dụ “học” của bản thân trong việc sáng tác, học có sáng tạo là như thế nào... Qua đó, Xuân Diệu nêu kinh nghiệm: muốn yên bác thì phải học, hiểu tâm lý tinh vi, phải cảm được những biến thái vô cùng phong phú của tâm hồn con người; phải lắng nghe cho được những trạng thái đặc biệt của tâm hồn, những thoáng run rẩy của nội tâm, thì mới sâu sắc, mới sáng tạo, mới vượt được những thế kỷ, và băng di từ nước này đến nước khác.

Xuân Diệu đã vượt qua cái lễ thường tình “sợ mang tiếng tự khoe” để trình bày một cách chân thực sự phấn đấu, sự nỗ lực của mình, một tư thế sẵn sàng tiếp thu học tập suốt cả đời về thơ, học mọi lúc, mọi nơi, như một “trạm ra đa không ngại tai bị mất”. Ông học tập ca dao, học tập thơ truyền thống, thơ cổ điển, thơ hiện đại, thơ nước ngoài. “Chuyện đi tìm học đông tây kim cổ, ở đâu có nhà thơ tài, có thơ hay, là học, học mót, học lỏm, học chính quy, dù là để tham khảo” [11, tr 128]. “Tôi học lỏm, học mót, bất kỳ là ở đâu, cái chất tài hoa, tài tử, tài tình, dù là câu cuối hay câu đầu của một bài thơ, một bản dịch nghĩa, cảm thấy cái nhạc bên trong của thơ, cái duyên không tầm thường của những tiếng trác, đọc một bài nói chuyện thơ của người khác cũng nghe lỏm học mót ngay cái tứ thơ thật xuất sắc của hai câu thơ cổ, học cái làn điệu thâm không nói ra là sáng tạo độc đáo của một bài thơ Vương Xương Linh” [11, tr 117]. Người đến sau đọc những áng văn thơ của cha ông, nên tìm cách dựa vào công phu đọc của những người đi trước, chẳng hạn học qua lời bình của Tản Đà, qua bản dịch thơ cổ của cụ Phan Kế Bính... Đó là niềm vui đi hút mật nhụy như con ong cần cù đi thâu lượm, có ý thức đi tìm bè bạn trong thơ xưa nay rồi trở nên đông vui giàu có.

Cách thức học tập của Xuân Diệu thật là phong phú. Ông đã học tập chiêm nghiệm trong nhạc tính của từng câu thơ. Ông học sự lấy tiếng tạo ra những câu thơ đặc biệt, có dấu ấn không dễ nhòa trong thơ Pháp và thơ cổ điển Trung Quốc, vì những trường hợp như thế không nhiều trong thơ ta. Nhiều trường hợp, Xuân Diệu đã dùng câu thơ 12 tiếng như thể Alexandrin của châu Âu, song kết hợp học nhịp điệu của những câu phú Việt Nam, dài nhưng biết cắt nhịp, biết phối hợp bằng trắc, nên đọc vẫn du dương và nghe vẫn lý thú. Bàn về “Sự góp phần của thơ Pháp vào trong thơ hiện đại Việt Nam”, Xuân Diệu kể lại đã học được bao điều mới mẻ của thơ Pháp, mà cái trung tâm, cái cốt lõi trong cái mới, là thoát thai từ xã hội phong kiến sang phạm trù tư sản dân quyền. Ông lĩnh hội, thâu tóm cái tư thế, cái điệu lãng mạn chủ nghĩa, không những trong thơ Anphơrê đờ Muytxê mà trong thơ lãng mạn Pháp nói chung, đưa vào thơ mình để đáp ứng cái nhu cầu “tung tỏa, bộc bạch” của những tâm hồn thời 1932 - 1938. Xuân Diệu học ở thơ Bôđơle sự nhận thức về các hoa hương, màu sắc, bầu trời, bãi biển xung quanh, học cái chất mê ly huyền diệu người đọc, học có sáng tạo, có thêm thắt. Ông phân tích kỹ càng, tỉ mỉ những chỗ đã vay mượn của ba thi sĩ Pháp là Etmông Harucua, Fêlix Arove. Sácơ Đơoclêăng để làm bài thơ tình “Yêu là chết ở trong lòng một ít”. Ông còn học những tứ thơ về tình yêu muôn đời trong các bài thơ Aragông tặng Enxa, học những sáng tạo bất ngờ, hay nhất, giản dị đến tuyệt vời của Hitmet, học 100 bài xonnê thơ tình của Pablô Nêruda, học Xanh Giôn Pecsơ có những hình tượng khái quát rất cao trong thời đại du hành vũ trụ này [11].

Suốt cả đời học tập về thơ, Xuân Diệu đã hóm hỉnh nhấn nhủ các bạn làm thơ trẻ: chúng ta sẵn sàng “ăn cướp” cái hay của thơ thế giới, biến hóa nhuần nhuyễn thành vốn của mình, làm cho mình cũng giàu như họ - đó cũng là cách “vay mượn” làm vốn để sáng tạo và phát triển [11]. Ông nhấn mạnh: nhà thơ phải đúc thời gian lại, phải đúc tài năng lại, phải cần cù học hỏi thu lượm như con ong. Mắt mở lớn

nhìn, tai mở rộng nghe, óc đào sâu nghĩ, “học, học và học”, chữ học hiểu theo nghĩa thật rộng! Thu hút, góp nhặt bỏ vào tâm trí, tưởng như là một cái kho ngổn ngang đầy, nhưng kỳ thật là làm sự thì có văn mà dùng [9, tr 94].

4. Con mắt thi sỹ

Đặc biệt, Xuân Diệu nhiều lần nói đến đôi mắt của nhà thơ. Ông gọi đó là “đôi cửa của linh hồn” - thể hiện nhận thức, tâm hồn, tình cảm, xúc cảm của người nghệ sỹ. Hay nói cách khác, “con mắt thi sỹ” là con mắt đặc biệt, khác người bình thường. Qua đó, ta hiểu những phẩm chất của họ.

Đó là “con mắt hữu tình” của Nguyễn Khuyến, “con mắt rất nhạy cảm” của nhà thơ bộ đội, “con mắt rất tinh tế” của nhà thơ phụ nữ, “con mắt là lương tâm”, “con mắt mới lạ”, “con mắt tài” của những nhà thơ thế giới chống chiến tranh Mỹ xâm lược Việt Nam... Không những thế, thi sĩ còn phải có “con mắt sắc” với “những con dao của đôi mắt” - “đôi mắt anh sắc hơn dao”, không chỉ để “giải phẫu” sự vật mà đòi hỏi một sự chọn lọc tài liệu vô hạn. Bởi vì tất cả những chất liệu trong thực tại đều có khả năng hóa thành thơ, nhưng không phải cái gì cũng ô tômatich ra thơ. Đây là vấn đề khá tinh vi: một nhà thơ cần có “con mắt tinh đời và tinh nghề” mới nhận định được, chọn cắt được chất liệu nào từ trong thực tại hợp với thể loại thơ. Cũng khó khăn như người họa sỹ, nhà thơ phải có “con mắt rất tinh” khi chọn chất liệu để làm thành một bài thơ: “Chọn mảng chất liệu nào có sức truyền cảm, sức diễn đạt hơn cả ... cả một cây hoa, biết chọn cành nào để bẻ, đó là ở con mắt tinh anh của nhà thơ” [3, tr 28]. Hơn thế nữa, muốn có loại thơ tinh diệu, đặc đạo, đạt tới giản dị và phong phú, người thi sĩ còn phải có “con mắt sâu”, “đôi con mắt vô hình để quan sát sâu sắc nội tâm, hiểu biết tinh tế tâm hồn” [9, tr 273].

Chính vì thế, Xuân Diệu phát hiện Hồ Chủ tịch là người rất mực nhân tình, Nửa đêm còn thức ngắm những người tù ngục quanh mình: “Người vẫn nhìn thấy được “nhất điểm linh đài” ở trong tâm hồn những người mắc tội, nếu họ không phải là giai cấp áp bức, bóc lột” [6, tr 53]. Khen thứ thơ “trực tiếp”, “mộc”, “chân chất” của Hítmét, một loại thơ “tinh diệu”, Xuân Diệu bình luận: “Cái loại thơ tưởng như không có nghệ, có thuật gì cả, chính lại đòi hỏi trước tiên một con mắt tinh đời vô hạn”, “con mắt nhìn tinh kỹ một cách gớm ghê”, “để lấy được cái chất sâu nhất của suy nghĩ, của tình cảm và của sự vật” [4, tr 35].

Với bè bạn, Xuân Diệu xác định phải nhìn bằng con mắt màu xanh, với kẻ thù phải nhìn bằng con mắt màu đen - Ranh giới tư tưởng, tình cảm của nhà thơ phải rõ ràng, minh bạch. Có khi đôi mắt phải “được qua một cuộc giải phẫu để nhận được cái ánh sáng chói loà, thấy những cái mới”...[7, tr 170]. Hơn thế nữa, nhà thơ còn cần có “con mắt xanh phát hiện ra sự vật”, “con mắt yêu thương”, “con mắt nhìn đúng đắn, sâu sắc” để thấu hiểu được cái ruột tơi thắm của sự việc, thì tác phẩm thơ mới vượt qua được bệnh công thức, bệnh sơ lược... Vì thực ra, cảnh vật khách quan dù đẹp đến đâu, vẫn cần có “con mắt xanh, tấm lòng hồng” của nhà thơ cảm nhận một cách tri kỷ, tri âm, tinh tế và sâu sắc [6, tr 144].

Không chỉ chú ý phẩm chất của nhà thơ thể hiện qua chiều “sâu”, mức “sắc”, độ “tinh” của con mắt, Xuân Diệu đặc biệt chú ý màu sắc của “đôi cửa linh hồn” ấy.

Đó là màu mắt xanh thể hiện tâm hồn nhà thơ, “đôi mắt nhìn đời rất trẻ trung mới mẻ”, hồn nhiên như trẻ thơ. Xuân Diệu đã từng khuyên các nhà thơ:

Hãy nhìn đời bằng đôi mắt xanh non

Hãy để trẻ con nói cái ngon của kẹo...

Ông ca ngợi giang sơn tuổi nhỏ: “Mắt xanh trong vắt cứ nhìn muôn vật, muôn vật rực rỡ hào quang”... [12, tr 147].

So sánh với người bình thường, người ta thường bảo: nhà thi sĩ là một người trẻ con, bởi tâm hồn thi sĩ vẫn giữ được cái dễ tin, dễ hồ hởi của tuổi ban đầu, giữ được cái phép tạo thân tiên của tâm hồn, mà trẻ con cần có, rõ ràng mở mắt, mà thấy được chiêm bao ! Đúng như vậy, người thi sĩ có một thứ giác quan nhìn những cái tưởng tượng như là có thật, nhìn cái vô hình hoá ra hữu tình.

Đại thi hào Víchto Huygô, sống đến 83 tuổi, đã được khen là có một tâm hồn của trẻ con, nhờ vậy mà trí tuệ thông minh lớn lao sâu sắc của nhà thơ vẫn gần gũi hấp dẫn và làm cho người ta mến yêu, vì nó kết hợp với lòng trung hậu và tính hồn nhiên. Theo Xuân Diệu, tất cả các nhà thơ lớn của nhân loại cổ kim đông tây, dù tài hoa, tài nghệ, tài tình đến bao nhiêu, đều dựng cất trên nền tảng của sự hồn nhiên, hồn nhiên như khí trời, như nước uống ; không có cái nền đó, thì không cảm động được lòng người. Chính báo Văn nghệ tháng 3/1975 đã đăng lời cụ Lê Quý Đôn: “Thơ phát khởi tự trong lòng người ta. Ba trăm bài thơ Kinh Thi phần nhiều là của nông dân, phụ nữ làm ra, mà có những bài văn sĩ đời sau không theo kịp được, như thế là vì nó chân thật”. Báo Văn nghệ cũng đã đăng lời của Catxin Kuliép tháng 11/1972: “Thơ là con đẻ của lòng thành thật, vì thiếu cái đó, thì thi phẩm không còn đủ sức sống. Là tiếng kêu gọi của trái tim và lương tâm, thơ bao giờ cũng thẳng thắn...” [9, tr 265].

Trong nhiều bài viết, Xuân Diệu luôn luôn nhấn mạnh phẩm chất của nhà thơ trước tiên là sự hồn nhiên, ngây thơ, trong sáng, chân chất như trẻ con, tâm hồn không khéo léo, bên cạnh sự tuyệt vời thông minh, vô hạn tài nghệ. Theo ông, “tình yêu và thơ là hai phạm trù mà trong đó cái tuyệt vời thông minh kết hợp với cái tuyệt diệu ngây thơ, thậm chí có khi “tôi khờ khạo lắm, ngu ngơ quá” là hương đặc biệt của một số tâm hồn thi sĩ và tình nhân” [9, tr 264]. Thơ hay phải có gốc là chân cảm, hồn thi sĩ, trái tim nhà thơ, như thế mới bền vững với thời gian. “Trong những xã hội có giai cấp, từ những ngàn năm, những trăm năm về trước, những thi sĩ xứng đáng của nhân loại, đã giữ cái chân chất của tâm trí và tài năng mình như một cái phao nổi trên dòng thời gian, đặng vượt tới những mai hậu xa xăm và rạng rỡ ; những mai hậu ấy, là thời đại của chúng ta ngày nay” [9, tr 265].

Ngay từ trước Cách mạng, Xuân Diệu đã từng miêu tả đôi mắt của thi sĩ trong truyện ngắn Người Lệ Ngọc 1943, qua đây bộc lộ quan niệm nghệ thuật của mình.

“Người - lệ - ngọc đi rất nhiều nơi. Đôi mắt chứa xanh làm hai cái gương đi soi hình vũ trụ. Qua hồ rộng như trời, mắt chàng âm áp như ngập bờ xuân. Đứng trước biển, sóng vô biên ào ào vỗ vào mắt. Màu biếc trên những đỉnh núi lửa vào hệ hai đồng tử. Mắt xanh càng lại thêm xanh !” ... “Đàn cũng không dùng chi nữa, hi mắt chàng đã tỏ hết âm điệu trong những khúc nhạc xanh. Mắt chàng cũng ửng bằng thơ phú của thi sĩ. Người thi sĩ đi cảm thông đã hầu hết cảnh trời”... [12, tr 122]. Theo chúng tôi, có lẽ trong văn chương Việt Nam, trong văn phê bình Việt Nam, ít có đoạn văn nào thể hiện đôi mắt tâm hồn thi sĩ đẹp đẽ dường ấy !...

Nhưng khi Người Lệ Ngọc truy lục dần dần, cần tiến nên phải “bóp đầu, nặn rần, nghĩ kê” tự bắt chàng phải sinh ra ngọc, “thành một cái máy”, thì “chỉ một ạn hồn với sự cố gượng ấy, mắt chàng cũng đã sâu hoắm vào. Màu xanh có bóng này qua”... Cứ như thế, không thoát được “cảnh bán mình”, “cảnh đem hồn đi rao”, người Lệ Ngọc phải trả giá cho sự thiếu bản lĩnh của mình, màu mắt thi sĩ không còn xanh nữa: “Không còn gì nữa. Mắt chàng đã đỏ như san hô. Tất cả điệu nhạc anh veo veo như tỏa ra ánh sáng đã biến từ lúc nào ! Người mình yêu cũng đã bỏ li. Thân hình rạc như con ve sắp cuối hè. Đôi mắt như máu mà mang thêm lửa”... [12, tr 126].

Xuân Diệu đã cho ta thấy, nếu không gìn giữ phẩm chất, không rèn luyện tài năng, người thi sĩ sẽ tự đánh mất mình, tác phẩm không còn chất lượng nữa. Âu đây cũng là bài học về cách sống của nhà thơ, về thành quả lao động nghệ thuật, về giá trị của tác phẩm tâm huyết đối với nhân gian, mà ngày nay chúng ta vẫn thấy còn nóng hổi.

Đó là một quan niệm nghệ thuật vừa nhất quán vừa cởi mở luôn được Xuân Diệu trân trọng và phát triển trong nhiều công trình nghiên cứu phê bình thơ cụ thể về sau.

Tìm hiểu quan niệm của Xuân Diệu về nhà thơ là tìm hiểu cái gốc rễ, cái tiềm năng làm ra thơ hay. Một nhà thơ đích thực không chỉ làm cho người đọc phục Tái mà còn phải yêu Tình. Bởi vì, người yêu thơ yêu những bài thơ, và cuối cùng đòi hỏi ở những bài thơ để yêu. Họ đòi hỏi những bài thơ có hương sắc tâm hồn riêng của tác giả, có như vậy, thơ mới làm cho người ta nhớ được, nhưng “có hương sắc tâm hồn riêng này phải là hữu xạ tự nhiên hương, là một sự chân thực, chân thành” [9, tr 39]

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- 1] Xuân Diệu. *Những bước đường tư tưởng của tôi*. NXB Văn hoá - Cục Xuất bản Bộ Văn hoá, Hà Nội, 1958.
- 2] Xuân Diệu. Hồ Xuân Hương-bà chúa thơ Nôm, *Tạp chí Văn Nghệ*, số 20(1959),73-95..
- 3] Xuân Diệu. *Trò chuyện với các bạn làm thơ trẻ*. NXB Văn học, Hà Nội, 1961

- [4] Xuân Diệu. *Thi hào Nadim Hitmet*. NXB Văn học, Hà Nội, 7-71, 1962.
- [5] Xuân Diệu. *Đi trên đường lớn*. NXB Văn học, Hà Nội, 1968.
- [6] Xuân Diệu. *Và cây đời mãi mãi xanh tươi*. NXB Văn học, Hà Nội, 1971.
- [7] Xuân Diệu. *Xuân Diệu (1977), Mài sắt nên kim*. NXB Văn học, Hà Nội, 1977.
- [8] Xuân Diệu. *Lượng thông tin và những kỹ sư tâm hồn ấy*. NXB Tác Phẩm mới, Hà Nội, 1978.
- [9] Xuân Diệu. *Công việc làm thơ*. NXB Văn Học, Hà Nội, 1984.
- [10] Xuân Diệu. Sáu mươi năm phía trước, *Báo Văn Nghệ*, số 3(1986), 3&11.
- [11] Xuân Diệu. Sự yên bác với việc làm thơ, *Tap chí Văn học*, tháng 1(1986), 113 - 129.
- [12] Xuân Diệu. Tuyển tập Xuân Diệu, tập II (Truyện ngắn, bút ký). NXB Văn học, Hà Nội, 1987.

VNU. JOURNAL OF SCIENCE, SOC., SCI., t.XVII, N^o4, 2001

XUAN DIEU TALKS ABOUT POET

Nguyen Thanh Ha

Faculty of Literature

Hanoi Teacher's Training College

Being a sharp-witted, discerning critic of poem, Xuan Dieu had a clear view on the poet. Carrying-out a fact-finding investigation at the conception of Xuan Dieu on poet to seek the origin, the potential for composing interesting poem, which is unable to be born itself, but it is necessary to have literary documents for it. An authentic poet doesn't only make readers admiring his talent, but also has to love emotional ties. In order to do it, poet must profoundly exploit thinking, emotion, in maintaining pure, clear soul, have a firm stuff and be severe in the production of poems; poet must be erudite, learning laboriously. In order to compose creatively the literary works to be worthy of people, of age, according to the Xuan Dieu's thinking, poet must be an engineer of soul all-sidedly and talentedly, and at the same time, a medicine doctor of soul.

Poet will have to hear not only by his own ears, but also by both conscience and spirit in order to transmit all to the ears, soul and spirit of the readers. Especially, Xuan Dieu emphasized the quality of a poet, first of all, it is the innocence, naiveness, purity, truthfulness like children, without skill beside the superpassably intelligence, unlimited artistic talent. Interesting poem must have to come originally from the truthful feeling, the soul and the heart of the poet.

So it becomes stable with time. It is both a consistent, and open-minded conception of arts, which has been respected by Xuan Dieu and developed in many works of researching criticizing poem concretely, subsequently.